

Bản án số: 48/2017/HNGĐ-ST

Ngày 18-9-2017

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Thu Thanh.

2. Ông Vũ Xuân Thành.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 112/2017/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp ly hôn và nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38A/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 14/8/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2017/QĐST - HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị **Bùi Thị H**, sinh năm 1979; có mặt

Địa chỉ: Xóm 8, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

- ***Bị đơn:*** Anh **Trần Đức T**, sinh năm 1974; vắng mặt

Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện K, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/6/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Bùi Thị H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị H và anh Trần Đức T tự nguyện đến với nhau được hai bên gia đình tổ chức cưới vào năm 2006 nhưng đến ngày 14/7/2009 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn A xã B và sinh được 02 con. Tháng 10/2009 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T có quan hệ với người phụ nữ khác ở gần nhà vợ chồng chị. Chị đã nhiều lần khuyên giải anh T nhưng anh T không thay đổi, vẫn dành tình cảm cho người phụ nữ đó. Năm 2013 chị đã viết đơn xin ly hôn anh T, sau đó chị rút đơn để vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy các con nhưng anh T vẫn tiếp tục dành tình cảm và quan hệ với người phụ nữ kia, tình cảm anh T dành cho chị không còn. Khi chị mang thai con thứ hai được 05 tháng (khoảng tháng 6/2014) thì chị đã mang theo con lớn về nhà mẹ chị ở xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Sau đó khoảng tháng 9/2014 anh T đã chuyển khẩu cho hai mẹ con chị về xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Trong thời gian chị về nhà mẹ chị, anh T có vào thăm chị và con vài lần, anh T có nói với chị là về Bình Nguyên sinh sống nhưng chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị không về. Chị xác định vợ chồng không thể trở lại đoàn tụ với nhau được nữa, chị không còn tình cảm vợ chồng với anh T, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

- Về quan hệ con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là Trần Thùy L sinh ngày 20/4/2006 và Trần Lương S, sinh ngày 10/10/2014, hiện nay hai con do chị H nuôi dưỡng. Ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cả hai con cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi hai con cùng chị. Trường hợp không được nuôi cả hai con thì chị đề nghị được tiếp tục nuôi con Trần Lương S.

- Về quan hệ tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai và biên bản hòa giải, bị đơn là anh Trần Đức T trình bày: về điều kiện và thời gian kết hôn đúng như chị H trình bày. Sau khi kết hôn*

vợ chồng chung sống tại thôn A xã B và sinh được 02 con. Năm 2012 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị H nghi ngờ anh có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, vợ chồng thỉnh thoảng có cãi nhau. Năm 2013 chị H đã viết đơn xin ly hôn anh, sau đó chị H rút đơn về vợ chồng đoàn tụ. Khi chị H mang thai con thứ hai được khoảng 07 tháng, chị H nói với anh là về quê giỗ bố rồi ở lại từ đó đến nay không về gia đình anh nữa. Anh đã nhiều lần vào thành phố V khuyên giải đưa ba mẹ con chị H về Bình Nguyên sinh sống nhưng chị H không về. Sau đó anh đã làm thủ tục chuyển khẩu hai mẹ con chị H về xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An để cháu Thùy L làm thủ tục nhập học. Nay chị H đề nghị ly hôn anh không đồng ý ly hôn mà muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy các con vì ly hôn thì các con anh sẽ khổ. Còn nếu chị H kiên quyết ly hôn thì đó là việc của chị H, anh đành phải chịu. Vợ chồng anh có 02 con chung là Trần Thùy L sinh ngày 20/4/2006 và Trần Lương S, sinh ngày 10/10/2014, hiện nay hai con đang ở cùng chị H tại xóm 8, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Nếu vợ chồng phải ly hôn thì anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả hai con, nếu không được nuôi cả hai con thì anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi một con, con L hoặc con S. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Qua xác minh tại UBND xã B huyện K tỉnh Thái Bình ngày 25/7/2017 cung cấp cho biết:

Chị H và anh T tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B vào năm 2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn A xã B và sinh được 02 con. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do chị H hay nghi ngờ anh T quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác. Chị H đã từng làm đơn xin ly hôn anh T nhưng sau đó vợ chồng lại đoàn tụ chung sống cùng nhau. Vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn do chị H vẫn nghi ngờ anh T vẫn còn quan hệ với người phụ nữ đối diện nhà nên khi chị H mang thai con thứ hai được khoảng 07 tháng, chị H đã bỏ về nhà mẹ chị ấy ở thành phố V tỉnh Nghệ An sinh con thứ hai và sinh sống từ đó đến nay. Qua nắm bắt thông tin thì chính quyền thôn A cũng có biết

được thông tin anh T có quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ ở đối diện nhà anh T nhưng không có bằng chứng cụ thể. Nay chị H xin ly hôn, quan điểm của địa phương là để anh T có thời gian thuyết phục chị H trở về đoàn tụ, nếu anh T không thuyết phục được thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Vợ chồng chị H và anh T có 02 con chung là Trần Thùy L sinh ngày 20/4/2006 và Trần Lương S, sinh ngày 10/10/2014, hiện nay hai con do chị H nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình có quan điểm cho rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng. Bị đơn không tham gia tố tụng tại phiên tòa không những tự tước bỏ quyền, nghĩa vụ của mình mà còn thể hiện ý thức chấp hành pháp luật tố tụng dân sự không nghiêm túc, đầy đủ. Về ý kiến giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận cho chị H được ly hôn anh T.

Về quan hệ con chung: Áp dụng điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: giao 02 con chung là Trần Thùy L sinh ngày 20/4/2006 và Trần Lương S, sinh ngày 10/10/2014 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, chấp nhận việc chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: chị H và anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]- Về thủ tục tố tụng: Chị Bùi Thị H khởi kiện xin ly hôn anh Trần Đức T, đăng ký hộ khẩu tại thôn A, xã B, huyện K, tỉnh Thái Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]- Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ, vì vậy Viện kiểm sát tham gia phiên toà là đúng với quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]- Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị Bùi Thị H và anh Trần Đức T sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2006, đến năm 2009 tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã B là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chị H và anh T mâu thuẫn là do chị H cho rằng anh T có quan hệ với người phụ nữ khác, không còn tình cảm với chị, còn anh T thì cho rằng do chị H luôn nghi ngờ anh có quan hệ với người phụ nữ khác. Anh T không muốn ly hôn, muốn vợ chồng đoàn tụ để các con anh đỡ khổ nhưng anh không có biện pháp gì để cải thiện tình cảm vợ chồng. Chị H kiên quyết ly hôn và không về chung sống cùng anh T. Vợ chồng chị H và anh T đã không còn không tin tưởng nhau, không quan tâm, chia sẻ và động viên nhau trong cuộc sống, vợ chồng mỗi người sinh sống một nơi nên không còn tình cảm với nhau. Xét thấy, tình trạng hôn nhân của chị H và anh T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải chấp nhận xử cho chị H được ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]- Về quan hệ con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là Trần Thùy L sinh ngày 20/4/2006 và Trần Lương S sinh ngày 10/10/2014, hiện nay hai con do chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H và anh T đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con. Xét thấy, nuôi con là quyền lợi và nghĩa vụ của cả bố

và mẹ, nhưng việc giao con cho ai nuôi phải đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con. Cháu Thùy L là con gái, hiện tại cháu đang theo học ổn định tại trường tiểu học Hưng Lộc, thành phố Vinh và cháu có nguyện vọng được tiếp tục ở với chị H. Cháu Lương S còn nhỏ và ở với chị H từ nhỏ đến nay. Vì vậy, để đảm bảo cho các cháu ăn ở và học tập ổn định cần giao cả hai con cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, chấp nhận việc chị H không yêu cầu anh T phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5]- Về quan hệ tài sản: Chị H và anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6]- Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân*: Cho ly hôn giữa chị Bùi Thị H và anh Trần Đức T.

2. *Về nuôi con chung*: Giao 02 con chung Trần Thùy L sinh ngày 20/4/2006 và Trần Lương S sinh ngày 10/10/2014 cho chị Bùi Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H không yêu cầu anh T phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Trần Đức T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung.

3. *Về tài sản*: chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Bùi Thị H phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0000730 ngày 20/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, như vậy chị Bùi Thị H đã nộp xong án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kiến Xương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thanh Xuân